TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án số: 04/2020/HS-ST Ngày: 14/01/2020	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoài Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2019/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Danh D, sinh năm: 1978 tại huyện G, tỉnh K; Nơi cư trú: Ấp Trương Văn V, xã T, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh V và bà Thị H; Có vợ Thị Út và 02 con;Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2019 cho đến nay; Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987 "Có mặt".

Nơi cư trú: Ấp Ngã S, xã Thạnh B, huyện G, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Danh Th, sinh năm 1967 "Có mặt".

Nơi cư trú: Ấp Trương Văn V, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K.

Người làm chứng:

Anh Võ Văn T1, sinh năm 1988 "Có đơn đề nghị vắng mặt".

Ông Danh X, sinh năm 1969 "Có đơn đề nghị vắng mặt".

Cùng nơi cư trú: Ấp Trương Văn V1, xã Thạnh H1, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 28/6/2019 Nguyễn Văn T lùa vịt đẻ đi ăn đồng đến khu vực kênh thuộc ấp Trương Văn V, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K thì gặp Danh Nh và Danh H đang ghé chẹt máy cày để lên bờ cản lối đi làm cho vịt của T dồn lại, tràn lên ruộng của người khác và đi nhiều hướng. T tức giận chửi thề, cự cải và lấy cây sào chống xuồng quơ trúng vào đầu Danh Nh. Nh dùng tay cầm lấy cây sào, hai bên giằn co làm chìm xuồng của T, T bỏ xuồng lên bờ tiếp tục cho vịt đi. Sau đó, Danh Nh đến trình báo cho anh Võ Văn T1 (công an ấp), anh Toàn và ông Danh X (Cựu chiến binh kiêm ấp đội) chạy xe đi mời T về nhà Danh X để làm rõ vụ việc. Anh T1 chở T về đến nhà Danh X, T vừa bước xuống xe thì bị Danh Thiện đứng gần đó dùng chân đá một cái từ phía sau, T dùng tay đỡ ra nhưng không gây thương tích . T tiếp tục đi vào nhà Danh Xết thì lúc này Danh D ất ngờ dùng tay nắm lại đánh một cái vào vùng mặt của T, sau đó được can ngăn. Hai bên hòa giải xong, T đi về khoảng 30 phút thấy sức khỏe không tốt nên gia đình đưa đi cấp cứu và nhập viện điều trị.

Tại kết luận giám định pháp y số 492/KL-PY ngày 29/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang. Kết luận thương tích của Nguyễn Văn T như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Gãy xương chính mũi; gãy (vỡ) thành trước xoang hàm trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích trên gây nên hiện tại là: 19% (Mười chín phần trăm). Vật gây thương tích: Vật tày.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội "Cố ý gây thương tích" đối với Danh D để điều tra.

Tại Bản cáo trạng số 66/CT-VKSND-GR, ngày 19 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Danh D về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Danh D về tội "Cố ý gây thương tích" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ 5% thu nhập để sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, đề nghị: Áp dụng Điều 590 của Bộ luật Dân sự và Điều 48 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Danh D phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn T gồm: Tiền thuốc 9.646.390 đồng; Thu nhập thực tế người bị

thiệt hại: 200.000 đồng/ngày x 15 ngày = 3.000.000 đồng; Thu nhập thực tế người chăm sóc người bị thiệt hại 200.000 đồng/ngày x 15 ngày = 3.000.000 đồng; Tiền xe đi về, tái khám 2.400.000 đồng; Tiền mua mắt kính 2.100.000 đồng; Tiền ăn bồi dưỡng 4.800.000 đồng; Tổn thất tinh thần 1.490.000 đồng x 04 tháng = 5.960.000 đồng. Tổng cộng 30.800.390 đồng, bị cáo đã khắc phục được 10.000.000 đồng, còn lại 20.800.390 đồng bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Anh Nguyễn Văn T là bị hại xác định: Cáo trạng của Viện kiểm sát không đúng với diễn biến sự việc, anh thừa nhận có dùng xào cầm quơ nhưng không xác định được trúng ai mà cáo trạng thể hiện trúng vào đầu anh Danh Nh. Thứ hai, anh Võ Văn T1 mời anh về làm rõ vụ việc khi đến nơi thì đã có rất nhiều người ở đó và ông Danh T đá anh trúng vào vùng bụng, sau đó Danh D đánh T vào mặt anh té ngã xuống thì có một vài người tiếp tục đánh anh nhưng anh không xác định rõ là ai. Thứ ba, về triệu tập người làm chứng gồm những người cùng ấp với bị cáo, trong đó có ông Danh Thiện là người đã đánh anh nên anh không đồng ý tư cách tham gia tố tụng của ông Danh Thiện. Do đó, anh yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để khởi tố, làm rõ những người có mặt về tội tổ chức đánh người gây thương tích, hủy hoại tài sản và triệu tập người làm chứng khác nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì anh không trình bày ý kiến, trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử và xin giữ quyền im lặng tại phiên tòa.

Ông Danh T là người làm chứng xác định: Khi anh Võ Văn T1 chở anh T đến nhà ông Danh X, anh T vừa xuống xe thì ông đi đến dùng chân đá một cái từ phía sau, không gây nên thương tích. Sau đó, T tiếp tục đi vào nhà thì bị Danh D dùng tay trái nắm lại đánh T vào mặt anh T một cái làm rơi mắt kính, ngoài ra không đánh thêm cái nào nữa thì được mọi người can ngăn.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo khai nhận: Do nghe kể lại em của bị cáo là Danh N bị T đánh trước đó nên không kiếm chế được đã dùng tay trái đánh T vào mặt anh T một cái gây thương tích 19%.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích số 66/CT-VKSND-GR, ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang và các tình tiết khác của vụ án.

Đối chiếu hành vi của bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Danh D phạm tội "Cố ý gây thương tích". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi nhận được tin, bị cáo không tìm hiểu rõ nguyên nhân sự việc đúng sai thế nào, mức độ mâu thuẫn nghiêm trọng đến đâu...Bị cáo không khuyên can mà lại đánh bị hại gây thương tích, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm sức khỏe của người khác, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Đối với ý kiến của anh T cho rằng ông Danh Th và người cùng ấp có tham gia đánh anh để làm chứng là không đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, vụ án không có đồng phạm, không có tổ chức, còn những người làm chứng (Anh Võ Văn T1, ông Danh X) tuy là người cùng ấp với bị cáo nhưng lời khai đúng với nội dung vụ án. Đối với ông Danh Thiện có đá anh T một cái từ phía sau nên Hội đồng xét xử xác định ông Danh Thiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Còn việc anh T yêu cầu hoãn phiên tòa làm rõ thêm những người đánh anh và hủy hoại tài sản, yêu cầu của anh là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; Là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên có căn cứ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị khấu trừ 5% thu nhập để sung quỹ nhà nước. Do bị cáo không có thu nhập, công việc ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 28/9/2019 của anh Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm các khoản điều trị thương tích và thiệt hại bao gồm: Tiền thuốc, viện phí: 9.646.000 đồng; thuê người chăm sóc 16 ngày x 500.000 đồng/ngày = 8.000.000 đồng; Tiền ăn uống 16 ngày x 300.000 đồng = 4.800.000 đồng; Tiền bồi dưỡng sau xuất viện 2.800.000 đồng; Tiền thuê xe đi về, tái khám 2.400.000 đồng; Thuê người giữ vịt 01 tháng 4.500.000 đồng. Tài sản bị mất và hư hỏng gồm: 43 con vịt đẻ x 80.000 đồng = 3.440.000 đồng, 01 điện thoại 3.200.000 đồng, 01 tai nghe 180.000 đồng, 01 kính đeo mắt 2.100.000 đồng. Tổng cộng 42.266.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu của bị hại và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận. Do đó, qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản chi phí hợp lý như sau:

Tiền thuốc 9.646.390 đồng; Thu nhập thực tế người bị thiệt hại: 250.000 đồng/ngày x 15 ngày = 3.750.000 đồng; Thu nhập thực tế người chăm sóc người bị thiệt hại 250.000 đồng/ngày x 15 ngày = 3.750.000 đồng; Tiền xe đi về, tái khám 2.400.000 đồng; Tiền mua mắt kính 2.100.000 đồng; Tiền ăn bồi dưỡng 2.000.000 đồng; Bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 04 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định 1.490.000 đồng là 5.960.000 đồng. Tổng cộng 30.106.390 đồng tính tròn 30.106.000 đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T 30.106.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã tạm nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G, tỉnh K, còn lại 20.106.000 đồng buộc bị cáo phải tiếp tục thi hành.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 20.106.000 đồng x 5% = 1.005.300 đồng tính tròn 1.005.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, Điều 299 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Danh D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh D 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh H, huyện G, tỉnh K giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Danh D phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Văn T 30.106.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm lẻ sáu nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo biên lai thi tiền số 09846 ngày 13/11/2019. Bị cáo Danh D còn phải tiếp tục thi hành số tiền còn lại là 20.106.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm lẻ sáu nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn T được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để nhận 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Danh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Án phí dân sự sơ thẩm 1.005.000 đồng (Một triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 14/01/2020.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- NTG CA huyện G;
- Cơ quan CSĐT CA huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Năng